

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03-TATC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 1987

CÔNG VĂN

CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO SỐ 03-TATC NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 1987

Hướng dẫn về Điều 109 Bộ luật Hình sự

A - Tại Nghị quyết số 04-NQ/HĐTP ngày 29-11-1986 hướng dẫn việc phân biệt giữa thương tích và thương tích nặng, giữa tổn hại cho sức khỏe với tổn hại nặng cho sức khỏe (tại các Điều 109, 110 và 103 Bộ Luật Hình sự). Nghị quyết đã hướng dẫn rõ rằng *“trước hết, cần xem xét nhiều mặt để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như: phương tiện, công cụ được sử dụng để gây thương tích, bộ phận của cơ thể bị trực tiếp xâm phạm, thương tích ban đầu, kết quả cứu chữa...”*. Xét riêng về mặt thương tích Nghị quyết có hướng dẫn: *“Tỷ lệ thương tích từ 10% trở xuống, không gây cố tật, là thương tích nhẹ, chưa đến mức cần thiết phải xử lý về hình sự người gây thương tích đó”*.

Thực tiễn xét xử trong thời gian qua cho thấy rằng việc không xử lý về hình sự mọi trường hợp cố ý gây thương tích có tỷ lệ phần trăm thương tật từ 10% trở xuống là không hợp lý. Sau khi đã trao đổi với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thêm về vấn đề này như sau:

Nếu nạn nhân được giám định xác định tỷ lệ phần trăm thương tật (còn gọi là tỷ lệ phần trăm mất sức lao động), hoặc nếu nạn nhân thực sự có bị thương tích hay bị tổn hại đến sức khỏe mà nếu có giám định thì cũng chỉ được xác định tỷ lệ phần trăm thương tật từ 10% trở xuống, thì kẻ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong các trường hợp sau đây:

1. Dùng hung khí nguy hiểm (như dao, súng, v.v.) hoặc dùng thủ đoạn có thể gây nguy hại cho nhiều người. Đây là các trường hợp, việc nạn nhân chỉ thương tích

nhẹ là ngoài ý muốn của kẻ phạm tội (thí dụ: kẻ phạm tội dùng dao nhọn đâm nạn nhân, nhưng nạn nhân tránh được nên chỉ bị thương tích nhẹ...).

2. Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân.

3. Phạm tội đối với nhiều người cùng một lúc.

4. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.

5. Phạm tội đối với người chưa thành niên (trừ các trường hợp ngược đãi nghiêm trọng hoặc hành hạ con cái theo quy định của Điều 147 Bộ luật hình sự), người già, phụ nữ đang có thai, người ở tình trạng không thể tự vệ được.

6. Phạm tội có tổ chức; phạm tội có đông người tham gia (trừ các trường hợp bị xử lý về tội gây rối trật tự công cộng theo quy định của Điều 198 Bộ luật hình sự).

7. Phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù, đang bị tạm giam về việc phạm tội, đang bị tập trung cải tạo.

8. Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.

9. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Trong các trường hợp 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 kẻ phạm tội bị xử phạt theo khoản 1 Điều 109 Bộ Luật Hình sự.

Trong các trường hợp 8, 9 kẻ phạm tội bị xử phạt theo khoản 2 Điều 109 Bộ Luật Hình sự. Kẻ dùng vũ lực chống người thi hành công vụ mà không gây thương tích hoặc không gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân hay gây thương tích không đáng kể, gây tổn hại không đáng kể cho sức khỏe của nạn nhân, thì bị xử phạt theo Điều 205 Bộ Luật Hình sự về tội chống người thi hành công vụ.

B - Nghị quyết số 04-NQ/HĐTP ngày 29-11-1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao có nêu rằng: *“Sự phân biệt mức độ thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cần phải dựa vào kết luận của giám định pháp y và khi cần thiết, dựa cả vào kết luận của bác sĩ điều trị”*. Việc giám định để xác định tỷ lệ phần trăm thương tật của nạn nhân là rất cần thiết đối với việc giải quyết các vụ án về gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Nhưng hiện nay chúng ta chưa có điều kiện tiến hành giám định thương tật trong mọi trường hợp, ở mọi nơi. Cho nên, tạm thời không nhất thiết phải có kết luận của giám định pháp y trong các trường hợp sau đây:

a) Do bị gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe mà nạn nhân đã bị thương tật như đã được liệt kê ở 4 điểm Thông tư liên bộ số 32-TTLB ngày 27-11-1985 của Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn thương tật 4 hạng (mới) và hướng dẫn cách chuyển đổi từ các hạng thương tật cũ, cách khám giám định thương tật theo các hạng thương tật mới (văn bản này có ở tất cả các cơ quan y tế địa phương, đã được in trong tập san Toà án nhân dân số 6). Thí dụ: Một người bị đâm vào bụng, khi được cấp cứu, đã bị cắt bỏ lá lách. Đối chiếu với Thông tư nói trên thì nạn nhân được xác định tỷ lệ phần trăm thương tật là 30% đến 50%. Đối với trường hợp này không cần phải giám định cũng có thể truy tố, xét xử kẻ phạm tội theo khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự, vì việc cắt bỏ lá lách, một bộ phận quan trọng của cơ thể, được coi là bị cố tật nặng. Một thí dụ khác: Một người bị làm điếc một tai. Đối chiếu với Thông tư nói trên thì nạn nhân được xác định tỷ lệ phần trăm thương tật là từ 21% đến 25%. Đối với trường hợp này không cần phải giám định cũng có thể truy tố, xét xử kẻ phạm tội theo khoản 1 Điều 109 Bộ luật Hình sự.

b) Thương tích của nạn nhân thuộc loại thương tích nặng (nghĩa là loại thương tích mà nếu không được cứu chữa kịp thời thì nạn nhân sẽ bị thiệt mạng hoặc bị tổn hại nặng đến sức khỏe), do được cứu chữa kịp thời nên nạn nhân không bị tổn hại nặng đến sức khỏe, thí dụ: một người bị dao đâm đâm thủng bụng, tuy không bị thương các cơ quan nội tạng, nhưng phải mổ bụng để vét máu trong ổ bụng; sau khi được cấp cứu và điều trị thì sức khỏe không bị tổn hại đáng kể. Đối với trường hợp này, không cần phải giám định cũng có thể truy tố, xét xử kẻ phạm tội theo khoản 2 Điều 109 Bộ Luật Hình sự.

Trong các trường hợp này chứng nhận của cơ quan y tế và các tài liệu khác xác nhận về thương tích ban đầu của nạn nhân và tình hình thực tế về sức khỏe của nạn nhân sau khi bị gây thương tích, bị gây tổn hại đến sức khỏe là căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự của kẻ phạm tội.

c) Nạn nhân bị gây cố tật nặng, mặc dù sức khỏe không bị tổn hại đáng kể (thí dụ: nạn nhân bị làm hỏng nặng diện mạo nhưng sức khỏe không bị giảm sút đáng kể).

d) Phạm tội thuộc các trường hợp đã được nêu ở mục A.

Trên đây là hai vấn đề hướng dẫn sử dụng bổ sung để kịp thời giải quyết tốt các vụ án về cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Toà án các cấp cần lưu ý thông báo công văn này cho các cơ quan công an và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để các cơ quan bạn phối hợp áp dụng.

CHÁNH ÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Hưng